DANH SÁCH THÍ SINH NHẬP HỌC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017

TRƯỜNG DVD N TRƯỜNG ĐH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ

I. LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC

1. Ngành: Sư phạm âm nhạc

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.N00032	Đặng Mai	Anh	17/08/1985	Nữ	Huyện Tiên Lữ -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	LT	NH
2	DVD.N00001	Trần Thị Phương	Anh	28/02/1986	Nữ	Huyện Tiên Lữ -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	7.00	7.50	8.50	23.00	23.00	LT	NH
3	DVD.N00002	Nghiêm Xuân	Du	12/06/1981		Huyện Ân Thi -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	7.50	7.50	8.50	23.50	23.50	LT	NH
4	DVD.N00006	Vũ Thị Thu	Hà	13/01/1985	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	7.00	7.50	8.25	22.75	23.00	LT	NH
5	DVD.N00008	Nguyễn Thị Thu	Hằng	01/11/1986	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.00	8.50	8.25	22.75	23.00	LT	NH
6	DVD.N00010	Lê Minh	Hoàn	04/06/1983		Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.50	7.00	8.50	22.00	22.00	LT	NH
7	DVD.N00011	Đào Đức	Hoàng	26/09/1982		Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.00	7.50	8.50	22.00	22.00	LT	NH
8	DVD.N00013	Nguyễn Thị	Hưởng	28/05/1990	Nữ	Huyện Khoái Châu -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	7.50	8.00	7.75	23.25	23.50	LT	NH
9	DVD.N00012	Vũ Thị	Huyền	08/04/1985	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	7.00	8.00	8.75	23.75	24.00	LT	NH
10	DVD.N00016	Hoàng Thị	Mai	20/03/1989	Nữ	Huyện Ân Thi -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.50	8.00	8.25	22.75	23.00	LT	NH
11	DVD.N00019	Lê Thị Thanh	Nga	24/07/1986	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.50	7.50	8.25	22.25	22.50	LT	NH
12	DVD.N00020	Cao Thị Thúy	Ngân	16/07/1987	Nữ	Huyện Kim Động -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.50	7.00	8.50	22.00	22.00	LT	NH
13	DVD.N00023	Trịnh Thị Minh	Tâm	02/12/1985	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.50	8.50	8.25	23.25	23.50	LT	NH
14	DVD.N00027	Trần Thị Ngọc	Thương	13/10/1982	Nữ	Huyện Tiên Lữ -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.00	8.00	8.50	22.50	22.50	LT	NH

Tổng: 14 thí sinh trúng tuyển nhập học

2. Ngành: Sư phạm Mĩ thuật

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.H00003	Ngô Phạm	Duy	06/09/1987		Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	6.00	6.00	9.00	21.00	21.00	LT	NH
2	DVD.H00004	Vũ Thị	Đang	17/12/1987	Nữ	Huyện Phù Cừ -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	7.00	7.50	7.75	22.25	22.50	LT	NH
3	DVD.H00005	Hoàng Thị	Đào	22/09/1986	Nữ	Huyện Văn Giang -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	6.50	8.00	8.75	23.25	23.50	LT	NH
4	DVD.H00022	Nguyễn Thị	Tâm	15/01/1989	Nữ	Huyện Phù Cừ -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	6.00	8.00	8.25	22.25	22.50	LT	NH
5	DVD.H00024	Hoàng Thu	Thủy	24/03/1984	Nữ	Huyện Khoái Châu -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	7.00	8.00	9.00	24.00	24.00	LT	NH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
6	DVD.H00025	Nguyễn Ngọc	Thủy	27/12/1977		Huyện Phù Cừ -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	6.50	8.00	8.25	22.75	23.00	LT	NH
7	DVD.H00026	Đào Thị	Thương	10/09/1985	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	6.50	7.50	7.75	21.75	22.00	LT	NH
8	DVD.H00031	Nguyễn Văn	Tuyển	08/07/1989		Huyện Mỹ Hào -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	6.00	6.50	8.00	20.50	20.50	LT	NH

Tổng: 08 thí sinh trúng tuyển nhập học

3. Ngành: Giáo dục mầm non

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.M00018	Nguyễn Thị Thùy	Dương	12/04/1986	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	8.00	7.75	21.75	22.00	LT	NH
2	DVD.M00026	Lê Thị	Hải	10/09/1987	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	6.50	8.00	20.50	20.50	LT	NH
3	DVD.M00035	Đặng Thị	Hoa	10/05/1988	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.50	7.50	6.25	20.25	20.50	LT	NH
4	DVD.M00003	Lê Thị	Huệ	26/02/1985	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	LT	NH
5	DVD.M00006	Lê Thị	Nga	11/12/1983	Nữ	Thành phố Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D140201	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	LT	NH
6	DVD.M00007	Nguyễn Thị	Ngoan	15/07/1984	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	7.00	7.00	5.50	19.50	19.50	LT	NH
7	DVD.M00044	Nguyễn Thị	Ngọc	05/10/1988	Nữ	Huyện Cẩm Thủy - Tỉnh Thanh Hóa		1	D140201	7.50	7.00	6.50	21.00	21.00	LT	NH
8	DVD.M00043	Trịnh Thị	Ngọc	24/08/1979	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
9	DVD.M00061	Đậu Thị	Thứ	15/05/1985	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	7.50	7.00	5.75	20.25	20.50	LT	NH
10	DVD.M00012	Nguyễn Thị	Yến	03/05/1987	Nữ	Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.50	6.00	7.00	19.50	19.50	LT	NH

Tổng: 10 thí sinh trúng tuyển nhập học

4. Ngành: Quản trị khách sạn

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C100021	Tống Thị	Anh	08/03/1989	Nữ	Huyện Như Thanh - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
2	DVD.C100013	Trần Quỳnh	Anh	28/07/1989	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	7.50	7.50	6.50	21.50	21.50	LT	NH
3	DVD.C100027	Vũ Thị	Hạnh	20/11/1990	Nữ	Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	LT	NH
4	DVD.C100033	Lê Thị	Hiền	28/12/1989	Nữ	Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	7.50	6.00	20.00	20.00	LT	NH
5	DVD.C100002	Lê Thị	Hòa	02/02/1992	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	7.50	6.00	6.00	19.50	19.50	LT	NH
6	DVD.C100004	Nguyễn Thị	Huệ	10/02/1988	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	LT	NH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
7	DVD.C100053	Lê Thị	Lan	15/05/1987	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.00	7.75	20.75	21.00	LT	NH
8	DVD.C100043	Trần Thị	Liên	26/03/1989	Nữ	Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	7.50	6.25	20.25	20.50	LT	NH
9	DVD.C100047	Hoàng Hà	Linh	18/05/1990	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	7.50	7.50	6.00	21.00	21.00	LT	NH
10	DVD.C100050	Lê Thị	Mai	02/03/1985	Nữ	Thành phố Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D340107	6.50	6.50	6.25	19.25	19.50	LT	NH
11	DVD.C100053	Lê Thị	Ngọc	23/03/1990	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.00	6.25	19.25	19.50	LT	NH
12	DVD.C100054	Lê Thị	Ngọc	14/10/1990	Nữ	Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	LT	NH
13	DVD.C100066	Nguyễn Thị	Tâm	07/10/1986	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D340107	6.00	7.00	6.75	19.75	20.00	LT	NH
14	DVD.C100059	Lê Thị	Thìn	01/05/1988	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	6.00	6.25	18.25	18.50	LT	NH
15	DVD.C100071	Nguyễn Thị	Thơm	28/05/1990	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	7.00	7.25	20.75	21.00	LT	NH
16	DVD.C100073	Lê Thị	Thu	08/08/1986	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	8.00	7.00	21.50	21.50	LT	NH
17	DVD.C100009	Lê Thị	Thùy	24/07/1988	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
18	DVD.C100076	Lê Thị	Thủy	01/06/1986	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D340107	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	LT	NH
19	DVD.C100010	Nguyễn Thị	Trang	01/10/1988	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	7.00	6.50	20.00	20.00	LT	NH
20	DVD.C100073	Lê Thị	Trinh	15/04/1986	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	6.50	8.50	21.00	21.00	LT	NH
21	DVD.C100011	Lê Thị	Tuyến	23/12/1992	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	LT	NH
22	DVD.C100074	Đỗ Thị	Vân	01/05/1986	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	6.50	6.25	18.75	19.00	LT	NH

Tổng: 22 thí sinh trúng tuyển nhập học

5. Ngành: Quản lý Thể dục thể thao

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.T00064	Đàm Văn	Long	01/02/1973		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D220343	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	LT	NH
2	DVD.T00066	Nguyễn Thành	Trung	01/09/1979		Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220343	6.00	7.50	8.00	21.50	21.50	LT	NH
3	DVD.T00065	Trịnh Ngọc	Trung	10/10/1980		Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220343	5.00	8.00	7.50	20.50	20.50	LT	NH
4	DVD.T00067	Nguyễn Hữu	Việt	06/11/1990		Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220343	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	LT	NH

Tổng: 04 thí sinh trúng tuyển nhập học

6. Ngành: Quản lý văn hóa

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C00001	Trần Xuân	Bình	16/06/1987		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	5.50	7.00	6.50	19.00	19.00	LT	NH
2	DVD.C00002	Bùi Ngọc	Dũng	20/05/1985		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	LT	NH
3	DVD.C00002	Lã Thị	Hà	23/01/1977	Nữ	Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	LT	NH
4	DVD.C00004	Lê Thị	Hiền	10/05/1988	Nữ	Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	7.50	7.00	7.50	22.00	22.00	LT	NH
5	DVD.C00110	Trương Thị	Hồng	12/09/1980	Nữ	Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa		1	D220342	6.50	6.50	8.00	21.00	21.00	LT	NH
6	DVD.C00006	Phạm Ngọc	Hùng	15/08/1980		Huyện Quan Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		1	D220342	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00	LT	NH
7	DVD.C00072	Lê Xuân	Long	22/07/1981		Huyện Ngọc Lặc - Tỉnh Thanh Hóa		1	D220342	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
8	DVD.C00009	Nguyễn Đăng	Quyết	10/06/1990		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	6.00	7.50	7.50	21.00	21.00	LT	NH
9	DVD.C00011	Lê Thị	Thuỷ	05/10/1986	Nữ	Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	8.00	8.00	7.50	23.50	23.50	LT	NH
10	DVD.C00010	Phạm Thị Phương	Thùy	29/12/1985	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D220342	6.00	7.50	8.00	21.50	21.50	LT	NH
11	DVD.C00011	Đặng Thị	Tình	13/02/1987	Nữ	Huyện Thiệu Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	7.00	8.00	8.00	23.00	23.00	LT	NH
12	DVD.C00109	Lê Đình	Tư	15/10/1980		Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	7.00	7.50	7.50	22.00	22.00	LT	NH
13	DVD.C00012	Lê Thu	Trang	20/09/1985	Nữ	Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	LT	NH
14	DVD.C00013	Nguyễn Việt	Trung	20/10/1986		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D220342	6.00	7.50	6.50	20.00	20.00	LT	NH

Tổng: 14 thí sinh trúng tuyển nhập học

7. Ngành: Công tác xã hội

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C200100	Đào Thị Quỳnh	Anh	15/06/1992	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	6.00	6.50	6.00	18.50	18.50	LT	NH
2	DVD.C200021	Nguyễn Văn	Đạt	25/11/1986		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	5.00	6.00	6.00	17.00	17.00	LT	NH
3	DVD.C200003	Lương Văn	Điệp	18/11/1971		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
4	DVD.C200026	Lê Thị	Hằng	20/04/1982	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	7.00	8.50	7.00	22.50	22.50	LT	NH
5	DVD.C200004	Nguyễn Thị	Hiền	01/08/1979	Nữ	Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
6	DVD.C200017	Nguyễn Duy	Hiếu	21/12/1982		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
7	DVD.C200019	Nguyễn Diệp	Hoà	22/07/1980	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2	D760101	6.50	7.50	7.00	21.00	21.00	LT	NH
8	DVD.C200068	Nguyễn Tuấn	Hoà	01/06/1979		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	LT	NH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
9	DVD.C200005	Lê Thị Ngọc	Hoàn	25/02/1980	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
10	DVD.C200030	Nguyễn Danh	Hoàng	20/08/1978		Thị xã Bỉm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	8.00	5.00	5.00	18.00	18.00	LT	NH
11	DVD.C200097	Trần Thị	Huệ	16/08/1980	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	7.00	6.50	6.00	19.50	19.50	LT	NH
12	DVD.C200025	Nguyễn Ngọc	Lam	12/02/1986		Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.00	5.50	5.00	16.50	16.50	LT	NH
13	DVD.C200106	Lê Thị	Nga	18/06/1981	Nữ	Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	5.00	6.50	7.00	18.50	18.50	LT	NH
14	DVD.C200094	Trương Văn	Nghệ	07/04/1985		Huyện Cẩm Thủy - Tỉnh Thanh Hóa		1	D760101	7.00	6.00	6.50	19.50	19.50	LT	NH
15	DVD.C200036	Đặng Đình	Nguyên	01/03/1993		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.00	5.00	5.00	16.00	16.00	LT	NH
16	DVD.C200008	Lê ánh	Nguyệt	27/02/1985	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D760101	7.00	8.00	7.00	22.00	22.00	LT	NH
17	DVD.C200070	Tống Đức	Như	23/03/1980		Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.50	6.00	6.50	19.00	19.00	LT	NH
18	DVD.C200009	Trịnh Đình	Phóng	02/01/1987		Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
19	DVD.C200048	Lê Ngọc	Thọ	24/06/1988		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.50	7.00	5.00	18.50	18.50	LT	NH

Tổng: 19 thí sinh trúng tuyển nhập học

8. Ngành: Quản lý nhà nước

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C300095	Cao Việt	Cường	21/05/1979		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	LT	NH
2	DVD.C300005	Hà Đình	Cường	22/06/1984		Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.50	7.00	7.00	20.50	20.50	LT	NH
3	DVD.C300101	Lê Văn	Cường	06/10/1987		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.50	7.50	6.50	20.50	20.50	LT	NH
4	DVD.C300012	Lê Hoàng	Đại	09/05/1983		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	5.50	6.50	5.00	17.00	17.00	LT	NH
5	DVD.C300010	Nguyễn Văn	Dũng	15/08/1984		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	LT	NH
6	DVD.C300019	Trần Khánh	Duy	06/12/1980		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00	LT	NH
7	DVD.C300025	Nguyễn Duy	Hải	05/08/1982		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	7.00	5.00	18.00	18.00	LT	NH
8	DVD.C300033	Nguyễn Minh	Hùng	28/02/1989		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00	LT	NH
9	DVD.C300034	Hà Thị	Hương	02/05/1985	Nữ	Huyện Quan Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		1	D310205	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00	LT	NH
10	DVD.C300022	Lê Thị Thanh	Hương	05/08/1979	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	5.50	6.50	5.00	17.00	17.00	LT	NH
11	DVD.C300024	Trần Văn	Khang	04/02/1965		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.50	6.00	5.00	17.50	17.50	LT	NH
12	DVD.C300105	Lê Trung	Kiên	10/05/1984		Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	5.50	6.50	6.00	18.00	18.00	LT	NH
13	DVD.C300027	Lê Ngọc	Lợi	25/09/1977		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	7.00	6.00	20.00	20.00	LT	NH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
14	DVD.C300099	Lương Thị	Lưu	05/01/1991	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D310205	6.50	7.50	6.00	20.00	20.00	LT	NH
15	DVD.C300107	Nguyễn Thị	Lý	23/01/1980	Nữ	Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	6.50	6.00	18.50	18.50	LT	NH
16	DVD.C300041	Lê Thị Thanh	Tâm	02/12/1981	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	LT	NH
17	DVD.C300012	Nguyễn Đức	Thắng	02/09/1969		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	5.50	5.00	16.50	16.50	LT	NH
18	DVD.C300044	Lê Thị	Thanh	14/08/1981	Nữ	Huyện Đông Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
19	DVD.C300040	Lê Xuân	Thành	22/08/1991		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	5.00	7.00	6.00	18.00	18.00	LT	NH
20	DVD.C300045	Hà Văn	Thảo	25/12/1985		Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D310205	7.00	6.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
21	DVD.C300011	Lê Thị	Thảo	02/04/1985	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
22	DVD.C300013	Lê Văn	Thiệp	28/09/1982		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	7.50	6.00	6.00	19.50	19.50	LT	NH
23	DVD.C300069	Nguyễn Văn	Thức	20/10/1973		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	LT	NH
24	DVD.C300092	Nguyễn Thu	Thủy	28/11/1989	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	6.50	6.00	19.50	19.50	LT	NH
25	DVD.C300056	Trịnh Xuân	Tiên	09/09/1975		Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	6.50	5.00	18.50	18.50	LT	NH
26	DVD.C300017	Vũ Xuân	Tiến	07/11/1989		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
27	DVD.C300098	Nguyễn Văn	Tĩnh	07/08/1977		Thành phố Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.50	7.00	6.00	19.50	19.50	LT	NH
28	DVD.C300043	Nguyễn Khánh	Toàn	16/08/1976		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	6.00	5.00	17.00	17.00	LT	NH
29	DVD.C300019	Hoàng Văn	Trọng	20/09/1983		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	6.00	5.00	17.00	17.00	LT	NH
30	DVD.C300096	Hoàng Anh	Tuấn	10/10/1984		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.50	6.50	7.00	20.00	20.00	LT	NH
31	DVD.C300071	Lê Văn	Tuấn	20/10/1983		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	5.50	7.00	7.00	19.50	19.50	LT	NH
32	DVD.C300067	Cầm	Vương	05/05/1986		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	LT	NH

Tổng: 32 thí sinh trúng tuyển nhập học

9. Ngành: Thiết kế thời trang

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.H1 00003	Cao Thị	Ánh	25/01/1992	Nữ	Huyện Quỳ Hợp - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	8.50	7.00	20.50	20.50	LT	TT
2	DVD.H1 00007	Ngô Thị	Dung	02/07/1983	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	6.50	8.00	8.00	22.50	22.50	LT	TT
3	DVD.H1 00012	Nguyễn Thị	Hằng	03/03/1984	Nữ	Huyện Quỳ Hợp - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	6.50	8.50	7.00	22.00	22.00	LT	TT
4	DVD.H1 00015	Hồ Thị	Hồng	19/09/1993	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	9.00	6.00	20.00	20.00	LT	TT
5	DVD.H1 00020	Hoàng Thị	Hương	10/02/1992	Nữ	Huyện Yên Thành - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	8.00	6.00	19.00	19.00	LT	TT

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
6	DVD.H1 00024	Vương Thị	Liên	14/08/1991	Nữ	Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	7.00	8.50	7.50	23.00	23.00	LT	TT
7	DVD.H1 00026	Lê Thị	Linh	10/11/1994	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	6.50	9.00	8.00	23.50	23.50	LT	TT
8	DVD.H1 00028	Dương Thị Châu	Loan	16/10/1983	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	LT	TT
9	DVD.H1 00027	Hoàng Thị	Long	11/08/1970	Nữ	Huyện Nam Đàn - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	8.50	7.50	21.00	21.00	LT	TT
10	DVD.H1 00032	Phan Thị	Phượng	31/01/1983	Nữ	Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	6.50	7.50	6.00	20.00	20.00	LT	TT
11	DVD.H1 00035	Phạm Thị	Sâm	13/05/1987	Nữ	Huyện Quỳnh Lưu - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	LT	TT
12	DVD.H1 00036	Nguyễn Thị	Thanh	24/08/1987	Nữ	Huyện Đô Lương - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	7.50	6.00	18.50	18.50	LT	TT
13	DVD.H1 00038	Nguyễn Thị Thu	Thủy	09/11/1978	Nữ	Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	7.00	8.00	7.00	22.00	22.00	LT	TT
14	DVD.H1 00039	Đỗ Thị	Trang	20/11/1987	Nữ	Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	7.50	7.00	19.50	19.50	LT	TT
15	DVD.H1 00041	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/04/1984	Nữ	Huyện Yên Thành - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	8.00	7.50	20.50	20.50	LT	TT

Tổng: 15 thí sinh trúng tuyển nhập học

Người lập

Lưu Vũ Nam

KT. CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

TS. Lê Thanh Hà

DANH SÁCH THÍ SINH NHẬP HỌC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2017
TRƯỜNG DVD N TRƯỜNG ĐH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH THANH HOÁ

II. LIÊN THÔNG TỪ TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LÊN ĐẠI HỌC

1. Ngành: Sư phạm âm nhạc

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.N00007	Nguyễn Thị	Hảo	03/09/1982	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.50	8.00	7.50	22.00	22.00	LT	NH
2	DVD.N00009	Nguyễn Thu	Hiền	24/12/1983	Nữ	Huyện Khoái Châu -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.00	7.50	8.25	21.75	22.00	LT	NH
3	DVD.N00017	Phùng Thị Hoa	Mai	10/10/1986	Nữ	Huyện Văn Giang -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.00	7.00	7.25	20.25	20.50	LT	NH
4	DVD.N00018	Đỗ Thị	Nga	06/05/1981	Nữ	Huyện Khoái Châu -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	7.00	8.50	8.25	23.75	24.00	LT	NH
5	DVD.N00029	Nguyễn Thị	Toan	03/03/1984	Nữ	Huyện Ân Thi -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	6.50	7.50	8.00	22.00	22.00	LT	NH
6	DVD.N00030	Lê Thị Thu	Trang	09/07/1983	Nữ	Thành phố Hưng Yên -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140221	5.00	6.00	7.50	18.50	18.50	LT	NH

Tổng: 06 thí sinh trúng tuyển nhập học

2. Ngành: Sư phạm Mĩ thuật

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.H00021	Nguyễn Thị	Nguyên	14/04/1981	Nữ	Huyện Khoái Châu -Tỉnh Hưng Yên		2NT	D140222	7.00	7.00	8.50	22.50	22.50	LT	NH
2	DVD.H00090	Hoàng Thị	Yến	06/09/1993	Nữ	Huyện Thiệu Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140222	7.50	6.50	6.00	20.00	20.00	LT	NH

Tổng: 02 thí sinh trúng tuyển nhập học

3. Ngành: Giáo dục mầm non

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.M00024	Nguyễn Thị	Chi	21/06/1995	Nữ	Thành phố Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D140201	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
2	DVD.M00020	Phạm Thị	Điển	14/01/1985	Nữ	Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	7.00	7.25	20.25	20.50	LT	NH
3	DVD.M00021	Hà Thị	Điệp	07/06/1986	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D140201	5.50	6.00	7.00	18.50	18.50	LT	NH
4	DVD.M00027	Lê Thị	Hà	06/09/1987	Nữ	Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	7.00	7.00	6.00	20.00	20.00	LT	NH
5	DVD.M00028	Trần Thị	Hà	28/09/1996	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.50	6.50	5.75	18.75	19.00	LT	NH
6	DVD.M00071	Hoàng Thị	Hằng	04/10/1984	Nữ	Huyện Cẩm Thủy - Tỉnh Thanh Hóa		1	D140201	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
7	DVD.M00031	Nguyễn Thị	Hằng	16/02/1995	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	8.00	6.50	20.50	20.50	LT	NH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
8	DVD.M00034	Ngô Thị	Hoa	20/11/1988	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	5.50	6.00	5.75	17.25	17.50	LT	NH
9	DVD.M00005	Hoàng Thị	Huyền	20/01/1986	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.50	7.00	7.50	21.00	21.00	LT	NH
10	DVD.M00042	Hà Thị	Lệ	08/02/1982	Nữ	Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	6.50	6.75	19.25	19.50	LT	NH
11	DVD.M00044	Trịnh Thị	Liên	25/03/1985	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	8.00	5.75	19.75	20.00	LT	NH
12	DVD.M00066	Đỗ Thị	Mai	16/09/1985	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.50	7.50	6.25	20.25	20.50	LT	NH
13	DVD.M00055	Nguyễn Thị	Thúy	14/02/1986	Nữ	Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.00	7.00	5.75	18.75	19.00	LT	NH
14	DVD.M00064	Lê Thị	Trâm	05/06/1987	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D140201	6.50	7.50	5.50	19.50	19.50	LT	NH

Tổng: 14 thí sinh trúng tuyển nhập học

4. Ngành: Quản trị khách sạn

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C100016	Hà Thị	Doa	01/01/1990	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	6.50	6.25	18.25	18.50	LT	NH
2	DVD.C100023	Lương Thị	Hà	05/11/1989	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	6.50	6.25	18.25	18.50	LT	NH
3	DVD.C100025	Lê Xuân	Hải	13/12/1991		Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.00	6.00	6.75	17.75	18.00	LT	NH
4	DVD.C100028	Hà Thị	Hận	17/03/1991	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	6.00	6.50	18.00	18.00	LT	NH
5	DVD.C100030	Hà Thị	Hằng	16/06/1991	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	6.50	6.75	18.75	19.00	LT	NH
6	DVD.C100070	Nguyễn Thị	Hằng	12/11/1991	Nữ	Huyện Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.50	6.00	19.50	19.50	LT	NH
7	DVD.C100032	Hà Thị	Hiền	02/03/1991	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	5.00	6.50	17.00	17.00	LT	NH
8	DVD.C100033	Đinh Thị	Hoa	28/11/1987	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	6.50	6.75	19.25	19.50	LT	NH
9	DVD.C100035	Nguyễn Thị	Hồng	14/03/1992	Nữ	Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	5.50	6.50	6.50	18.50	18.50	LT	NH
10	DVD.C100038	Hà Thị	Hương	05/10/1989	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	5.50	6.25	17.25	17.50	LT	NH
11	DVD.C100039	Vi Thị	Hương	16/06/1992	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	LT	NH
12	DVD.C100040	Nguyễn Thị Phan	Khánh	31/07/1992	Nữ	Huyện Cẩm Thủy - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.50	7.50	7.00	21.00	21.00	LT	NH
13	DVD.C100045	Nguyễn Thị Phương	Linh	26/06/1990	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.00	6.50	19.50	19.50	LT	NH
14	DVD.C100048	Vi Thị	Long	24/12/1992	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	5.00	6.50	17.00	17.00	LT	NH
15	DVD.C100049	Cao Thị	Lượng	01/09/1989	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	5.50	6.75	18.25	18.50	LT	NH
16	DVD.C100051	Phạm Thị	Mai	09/12/1984	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	5.50	6.50	6.25	18.25	18.50	LT	NH
17	DVD.C100112	Lê Thị	Nga	15/07/1988	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	7.50	7.00	20.50	20.50	LT	NH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
18	DVD.C100055	Vi Thị	Nhâm	09/03/1987	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
19	DVD.C100059	Cao Thị	Nhung	20/08/1988	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	6.50	7.25	19.75	20.00	LT	NH
20	DVD.C100056	Phạm Thị	Nhung	05/06/1984	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	7.50	7.50	7.00	22.00	22.00	LT	NH
21	DVD.C100060	Hà Thị	Phiện	30/06/1984	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	6.50	7.75	20.25	20.50	LT	NH
22	DVD.C100111	Nguyễn Thị Thanh	Phương	04/10/1982	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	6.50	6.50	19.50	19.50	LT	NH
23	DVD.C100065	Hà Thị	Tám	01/06/1986	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	6.50	6.50	19.00	19.00	LT	NH
24	DVD.C100069	Nguyễn Thị	Tâm	22/05/1991	Nữ	Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	LT	NH
25	DVD.C100050	Nguyễn Thị	Thanh	18/05/1989	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	7.00	5.75	19.25	19.50	LT	NH
26	DVD.C100070	Hà Thị	Thoa	05/06/1987	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	LT	NH
27	DVD.C100069	Vi Thị	Thoa	23/08/1991	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	6.00	6.75	18.75	19.00	LT	NH
28	DVD.C100060	Trần Thị	Thơm	17/03/1983	Nữ	Huyện Thường Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	7.50	7.00	20.50	20.50	LT	NH
29	DVD.C100008	Hà Thị	Thu	10/08/1990	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	6.50	6.00	19.00	19.00	LT	NH
30	DVD.C100077	Hà Thị	Thư	03/03/1992	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
31	DVD.C100075	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	18/05/1985	Nữ	Huyện Nga Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.50	7.50	6.00	20.00	20.00	LT	NH
32	DVD.C100059	Nguyễn Thị	Thủy	12/07/1988	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	6.00	5.00	5.50	16.50	16.50	LT	NH
33	DVD.C100083	Lữ Thị	Túy	28/12/1989	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	7.00	8.00	21.00	21.00	LT	NH
34	DVD.C100080	Hà Thị	Tuyết	27/09/1989	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D340107	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00	LT	NH
35	DVD.C100082	Nguyễn Thị	Tuyết	07/11/1987	Nữ	Thành phố Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D340107	6.00	6.50	6.00	18.50	18.50	LT	NH
36	DVD.C100081	Phạm Thị	Tuyết	04/05/1987	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D340107	5.50	5.00	6.75	17.25	17.50	LT	NH
37	DVD.C100088	Cao Thị	Xuân	30/04/1989	Nữ	Thành phố Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D340107	6.00	7.00	6.25	19.25	19.50	LT	NH

Tổng: 37 thí sinh trúng tuyển nhập học

5. Ngành: Quản lý văn hóa

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C00001	Lê Thị	Dịu	16/07/1987	Nữ	Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	7.00	7.50	7.50	22.00	22.00	LT	NH
2	DVD.C00004	Nguyễn Đức	Giang	02/12/1986		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D220342	5.50	6.50	7.00	19.00	19.00	LT	NH
3	DVD.C00005	Hoàng Thị	Hồi	02/02/1985	Nữ	Huyện Hậu Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	6.00	6.50	7.00	19.50	19.50	LT	NH
4	DVD.C00037	Hà Thị	Huệ	05/10/1993	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D220342	6.00	8.00	6.00	20.00	20.00	LT	NH

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
5	DVD.C00007	Nguyễn Thị	Minh	30/09/1985	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		1	D220342	6.00	6.50	6.25	18.75	19.00	LT	NH
6	DVD.C00057	Hà Thị	Nhung	04/11/1993	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D220342	6.50	7.00	6.75	20.25	20.50	LT	NH
7	DVD.C00008	Nguyễn Trọng	Phương	10/02/1988		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D220342	5.50	6.50	6.50	18.50	18.50	LT	NH
8	DVD.C00064	Hà Thị	Sen	30/10/1993	Nữ	Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D220342	5.50	6.00	6.25	17.75	18.00	LT	NH

Tổng: 08 thí sinh trúng tuyển nhập học

6. Ngành: Công tác xã hội

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C200093	Bùi Văn	Ba	24/05/1977	Nữ	Huyện Cẩm Thủy - Tỉnh Thanh Hóa		1	D760101	6.50	7.00	6.00	19.50	19.50	LT	NH
2	DVD.C200001	Vi Văn	Bảy	07/04/1984		Huyện Quan Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		1	D760101	6.50	6.50	6.00	19.00	19.00	LT	NH
3	DVD.C200023	Bùi Văn	Đông	01/09/1979		Huyện Quan Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		1	D760101	5.50	5.00	5.00	15.50	15.50	LT	NH
4	DVD.C200007	Nguyễn Doãn	Du	07/12/1970		Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	LT	NH
5	DVD.C200014	Hoàng Công	Đức	10/10/1966		Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	5.00	6.50	6.00	17.50	17.50	LT	NH
6	DVD.C200031	Nguyễn Thị	Hồng	05/04/1986	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	8.00	8.00	6.00	22.00	22.00	LT	NH
7	DVD.C200029	Phạm Thị	Mai	10/10/1984	Nữ	Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.50	7.00	6.00	19.50	19.50	LT	NH
8	DVD.C200031	Trần Danh	Mạnh	10/07/1991		Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	5.00	6.50	7.00	18.50	18.50	LT	NH
9	DVD.C200037	Trương Công	Sáng	08/10/1968		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	7.00	5.50	5.00	17.50	17.50	LT	NH
10	DVD.C200038	Nguyễn Thị	Sen	02/02/1978	Nữ	Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.00	7.00	5.00	18.00	18.00	LT	NH
11	DVD.C200042	Lê Đức	Tâm	10/10/1986		Huyện Hoằng Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.00	6.00	5.00	17.00	17.00	LT	NH
12	DVD.C200015	Lê Thị	Thơm	25/02/1985	Nữ	Huyện Thiệu Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	7.00	7.00	5.00	19.00	19.00	LT	NH
13	DVD.C200049	Nguyễn Văn	Thông	07/10/1977		Huyện Thạch Thành - Tỉnh Thanh Hóa		1	D760101	5.00	6.00	5.00	16.00	16.00	LT	NH
14	DVD.C200041	Bùi Văn	Thuận	02/10/1976		Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa		1	D760101	5.00	5.00	5.00	15.00	15.00	LT	NH
15	DVD.C200103	Trịnh Hồng	Phong	08/08/1979		Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D760101	6.00	6.50	6.00	18.50	18.50	LT	NH

Tổng: 15 thí sinh trúng tuyển nhập học

7. Ngành: Quản lý nhà nước

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.C300004	Lê Văn	Bình	10/06/1982		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	5.50	6.00	6.00	17.50	17.50	LT	NH
2	DVD.C300002	Nguyễn Thị	Chiên	13/03/1983	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
3	DVD.C300006	Lê Minh	Cường	05/05/1971		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
4	DVD.C300020	Đặng Việt	Dũng	08/03/1983		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.50	7.00	5.00	18.50	18.50	LT	NH
5	DVD.C300016	Bùi Thị	Hằng	17/05/1983	Nữ	Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	5.00	6.50	6.00	17.50	17.50	LT	NH
6	DVD.C300007	Lê Văn	Hùng	17/10/1982		Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	6.00	5.00	17.00	17.00	LT	NH
7	DVD.C300102	Lưu Mạnh	Hùng	17/11/1984		Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	7.50	6.00	19.50	19.50	LT	NH
8	DVD.C300032	Nguyễn Văn	Hùng	10/07/1990		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	8.00	6.50	6.00	20.50	20.50	LT	NH
9	DVD.C300021	Bùi Viết	Hưng	22/12/1969		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	5.00	7.00	6.00	18.00	18.00	LT	NH
10	DVD.C300035	Phạm Thị Mai	Liên	30/04/1976	Nữ	Thành phố Sầm Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2	D310205	6.00	7.00	5.00	18.00	18.00	LT	NH
11	DVD.C300043	Nguyễn Văn	Tất	06/08/1982		Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	6.50	6.00	19.50	19.50	LT	NH
12	DVD.C300039	Lê Đình	Thái	25/10/1983		Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	5.00	7.00	5.00	17.00	17.00	LT	NH
13	DVD.C300091	Tạ Duy	Thế	15/08/1982		Huyện Thường Xuân - Tỉnh Thanh Hóa		1	D310205	6.00	6.00	6.50	18.50	18.50	LT	NH
14	DVD.C300016	Trịnh Thị	Thương	07/02/1989	Nữ	Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	6.00	6.00	18.00	18.00	LT	NH
15	DVD.C300058	Lê Xuân	Tiến	21/12/1979		Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
16	DVD.C300104	Đoàn Văn	Toàn	02/10/1970		Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	LT	NH
17	DVD.C300059	Quách Văn	Toàn	24/04/1975		Huyện Như Thanh - Tỉnh Thanh Hóa		1	D310205	7.00	7.00	5.00	19.00	19.00	LT	NH
18	DVD.C300060	Lê Văn	Trí	07/10/1983		Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
19	DVD.C300062	Quách Văn	Trung	09/08/1969		Huyện Như Thanh - Tỉnh Thanh Hóa		1	D310205	5.00	5.50	5.00	15.50	15.50	LT	NH
20	DVD.C300020	Vi Văn	Tưởng	07/06/1982		Huyện Quan Hoá - Tỉnh Thanh Hóa		1	D310205	6.00	6.00	5.00	17.00	17.00	LT	NH
21	DVD.C300066	Trịnh Thị ánh	Tuyết	18/01/1994	Nữ	Huyện Vĩnh Lộc - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	7.00	7.00	21.00	21.00	LT	NH
22	DVD.C300046	Ngô Thị	Yến	19/05/1984	Nữ	Huyện Quảng Xương - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D310205	7.00	8.50	5.00	20.50	20.50	LT	NH

Tổng: 22 thí sinh trúng tuyển nhập học

8. Ngành: Thiết kế thời trang

STT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	Ngành	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	LT	TT
1	DVD.H1 00002	Lê Mai	Anh	17/09/1998	Nữ	Huyện Hưng Yên - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.50	8.00	6.00	19.50	19.50	LT	TT
2	DVD.H1 00004	Trương Thị Hương	Châu	17/11/1987	Nữ	Huyện Quỳ Châu - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	7.00	7.50	7.00	21.50	21.50	LT	TT
3	DVD.H1 00005	Nguyễn Phương Linh	Chi	13/09/1999	Nữ	Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	8.50	7.00	20.50	20.50	LT	TT
4	DVD.H1 00019	Phan Thị	Hương	22/12/1999	Nữ	Huyện Nghi Lộc - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.00	7.50	7.00	19.50	19.50	LT	TT
5	DVD.H1 00018	Nguyễn Khánh	Huyền	29/07/1999	Nữ	Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	5.50	7.00	7.50	20.00	20.00	LT	TT
6	DVD.H1 00023	Phan Thị Hồng	Lê	12/06/1982	Nữ	Huyện Quỳ Hợp - Tỉnh Nghệ An		3	D210404	6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	LT	TT
7	DVD.H1 00042	Phan Thị Hoài	Thương	05/10/1997	Nữ	Huyện Tĩnh Gia - Tỉnh Thanh Hóa		2NT	D210404	6.50	7.00	6.25	19.75	20.00	LT	TT

Tổng: 07 thí sinh trúng tuyển nhập học

Người lập

Lưu Vũ Nam

KT. CHỦ TỊCH HĐTS
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

TS. Lê Thanh Hà